

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 003

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04402

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319

Nhóm : 03

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13132340	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	DH13SP		1	20		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13363282	LÊ THỊ CẨM THU	CD13CA		1	2		8	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115032	PHAN NGỌC THỦY	DH12GB		1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115407	NGUYỄN THỊ NHƯ THỦY	DH13CB		1	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13363300	TRẦN ĐĂNG THANH THỦY	CD13CA		1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115114	NGUYỄN BÙI MINH THÚY	DH13CB		1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13132361	TRẦN THỊ DIỄM THÚY	DH13SP		1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13132366	PHAN THỊ ANH THƯ	DH13SP					V 9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115115	VĂN THỊ HOÀNG THƯ	DH13CB		1	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115118	LÊ DUY THỨC	DH13CB		1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115116	NGUYỄN HOÀNG THƯƠNG	DH13GB		1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115119	ĐẶNG THỊ CẨM TIỀN	DH13GB		1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13123900	TRẦN THỊ THỦY TIỀN	DH13KE		1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115056	TRẦN HỮU TÍNH	DH12CB		1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13123162	NGUYỄN THỊ LINH TRANG	DH13KE		1	2		7,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13132462	TRẦN NGỌC TRÂM	DH13SP		1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13123168	NGUYỄN TÚ TRINH	DH13KE		1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13132402	PHẠM THỊ THU	TRINH	DH13SP	1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12115038	LÊ VĂN	TRUNG	DH12GB	1	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115128	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	TRUNG	DH13CB	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13132424	TRIỆU MINH	TUYẾN	DH13SP	1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13132079	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	DH13SP	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115130	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	DH12CB	1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	DH12KE	1	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13123188	NGUYỄN THỊ DIỆU	XUÂN	DH13KE	1	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYẾN	DH11KE	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13123192	NGUYỄN NHƯ	Ý	DH13KE	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12123219	VÕ THỊ NHƯ	Ý	DH12KE	1	2		6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13363389	NGUYỄN THỊ	YẾN	CD13CA	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng. T. Đức

Nguyễn Thị Ngọc Hà

TS. Trần Đình Lý

Mai Hoàng Trang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315

Nhóm : 03

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13123085	TRẦN THỊ NGHĨA	DH13KE	<i>Nghe</i>	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	DH11KE	<i>W</i>	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13363180	LÊ THỊ BÉ	CD13CA	<i>ngoc</i>	1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13132272	NGUYỄN THỊ KIM	DH13SP	<i>Nghe</i>	2	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13132276	LÊ THỊ	DH13SP	<i>Thuy</i>	1	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13123094	NGUYỄN THỊ ÁNH	DH13KE	<i>Nghe</i>	1	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123157	MAI HOÀNG	DH12KE	<i>mb</i>	1	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13132043	NGUYỄN TRỌNG	DH13SP	<i>Nghe</i>	1	2		8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13123107	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH13KE	<i>Thinh</i>	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13123109	TRƯƠNG THỊ HỒNG	DH13KE	<i>Thinh</i>	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13132290	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	DH13SP	<i>Thinh</i>	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13132295	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH13SP	<i>Thinh</i>	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115324	TRẦN BẢO	DH13CB	<i>Pho</i>	1	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13363225	TÔ THỊ HỒNG	CD13CA	<i>Pho</i>	1	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13115489	HÀ THU	DH13CB	<i>Phuong</i>	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115310	LÊ THỊ HỒNG	DH12CB	<i>Pho</i>	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13363237	NGUYỄN THỊ	CD13CA	<i>Pho</i>	1	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13132314	TRẦN BÍCH PHƯƠNG	DH13SP	Phuong	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13132315	NGUYỄN VĂN QUÂN	DH13SP	Quân	1	2		7,5	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115353	TRẦN THỊ NHƯ	DH13CB	Như	1	2		2	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13132320	LÊ THỊ MY	DH13SP	My	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13132324	NGUYỄN THỊ SEN	DH13SP	Sen	1	2		5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115361	NGUYỄN NGỌC SƠN	DH13CB	Son	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13123133	ĐOÀN KHÁNH TÂM	DH13KE	Tam	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	DH11KE	Thanh	1	2		8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115098	ĐOÀN THỊ THU	DH13GB	Thu	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13132054	VŨ XUÂN THÀNH	DH13SP	Thanh	1	2		5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115385	NGUYỄN NGỌC THẠNH	DH13CB	Thanh	1	2		4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Đình Nam

Nguyễn Kim Thoa

TS. Trần Đình Lý

Minhway Gray

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 80	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115154	PHAN THỊ THÚY ÁI	DH13CB	Thuy Ai	1	2		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115148	NGUYỄN ĐỨC ANH	DH13CB	Anh	1	2		3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13123004	VÕ THỊ ANH	DH13KE	Anh	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC CẨM	DH12KE	Cam	1	2		7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13132009	NGUYỄN THỊ THU CÚC	DH13SP	Thu	1	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13123024	MAI THỊ MỸ DUYÊN	DH13KE	Mai	1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115024	NGUYỄN THANH ĐIẾP	DH13CB	Diep	1	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13363062	VÕ THỊ THU HÀ	CD13CA	Ha	1	2		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13132174	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	DH13SP	Hong	1	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13363074	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	CD13CA	Hang	1	2		2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13363077	VĂN THỊ THANH HẰNG	CD13CA	Thi	1	2		5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115208	TRƯƠNG THỊ MINH HIỀN	DH13CB	Minh	1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115209	VÕ XUÂN HIỀN	DH13CB					Vũ		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13363090	NGUYỄN THỊ XUÂN HOA	CD13CA	Xuan	1	2		6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11158069	NGUYỄN LÊ HOÀI	DH11SK	Hoi	1	2		3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115214	HỒ XUÂN HOÀNG	DH13CB	Hong	1	2		5,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115217	NGUYỄN MINH HOÀNG	DH13CB	Hong	1	2		5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 2/3

Mã nhận dạng 04400

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 80	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13115220	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	HOÀNG	DH13CB				Vấn		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11123112	ĐÌNH THỊ NGỌC	HUỆ	DH11KE	Nghe	1	2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	DH11KE	ghe	1	2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	DH12KE	Huyen	1	2	8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13123057	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	DH13KE	chuep	1	2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115242	MAI THUY GIÁNG	HƯƠNG	DH13CB	Am	1	2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	CD12CA	Huong	1	2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13132229	HUỖNH THỊ THU	LOAN	DH13SP	Loan	1	2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115272	NGUYỄN THỊ KIM	LUYẾN	DH13CB	kyes	1	2	5,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13363155	NGUYỄN THỊ	LY	CD13CA	la	1	2	4,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363080	VŨ THỊ NGỌC	LÝ	CD12CA	nghe	2	2	8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10115017	ĐOÀN VĂN	MẠNH	DH10CB	z	1	2	4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	CD12CA	shu	1	2	8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115021	TRƯƠNG HỮU	NAM	DH12CB	huu	1	2	1	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13363169	PHAN THỊ YẾN	NÊN	CD13CA	ynen	1	2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13123079	HOÀNG THỊ	NGA	DH13KE	Nga	1	2	7,5	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: : 31

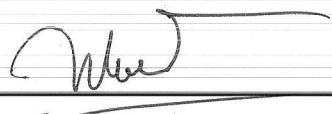
Cán bộ coi thi 1

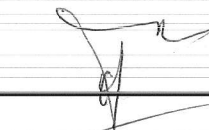
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

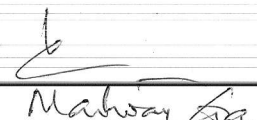
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Hoa Ninh


Nguyễn Thị Kim Chi


TS. Trần Đình Lý


Mahway Lay

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi HD205

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI AN	DH12KE	<i>Loan</i>	1	20		4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13363004	BẠCH THỊ KIM ANH	CD13CA	<i>Kim</i>	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13363012	NGUYỄN TỐ ANH	CD13CA	<i>Tot</i>	1	2		2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13363015	TRƯƠNG NGỌC TRÂM ANH	CD13CA	<i>Tram</i>	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13363016	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	CD13CA	<i>Anh</i>	1	2		8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13363028	NGUYỄN KIỀU DIỄM	CD13CA	<i>Kieu</i>	1	2		3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13363032	NGUYỄN THUY DUNG	CD13CA	<i>Dung</i>	1	2		4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13363042	HỒ QUỐC DŨNG	CD13CA	<i>Dung</i>	1	2		3	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13132465	TRẦN DŨNG	DH13SP	<i>Tran</i>	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13363034	LÊ THANH DUY	CD13CA	<i>Thanh</i>	1	2		4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13363038	NGUYỄN THỊ DUYÊN	CD13CA	<i>Thuyen</i>	1	2		2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13363041	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	CD13CA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13363048	LÊ THỊ THU ĐÔNG	CD13CA	<i>Thu</i>	1	2		4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13115191	BÙI NGỌC ĐỨC	DH13CB	<i>Bui</i>	1	2		5,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13363049	NGÔ HỒNG ĐỨC	CD13CA	<i>Ngô</i>	1	2		1	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13363068	LÊ NGỌC HẰNG	CD13CA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	CD12CA	<i>Thuy</i>	1	2		4,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị doanh nghiệp-208454

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD205 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12115242	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	DH12GB	<i>Thuy</i>	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13363075	TRẦN NGỌC THU HẰNG	CD13CA	<i>Thu</i>						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13363078	HÀ HUỖNH HÂN	CD13CA	<i>Hau</i>	1	2		3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12123120	NGUYỄN PHÚC HẬU	DH12KE	<i>Hau</i>	1	2		8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	DH12KE	<i>Thuy</i>	1	2		4,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115036	VÕ VĂN HIỆP	DH13CB	<i>Hiep</i>	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115289	ĐỖ NGỌC HIẾU	DH12CB	<i>Hieu</i>	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12123022	ĐỖ KIM HOA	DH12KE	<i>Kim</i>	1	2		5,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115244	PHẠM THỊ NGỌC HOA	DH12GB	<i>Hoa</i>	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13363093	TRẦN THỊ HOÀI	CD13CA	<i>Hoai</i>	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13363098	HUỖNH THỊ KIM HỒNG	CD13CA	<i>Hong</i>	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13363110	NGUYỄN THỊ HUYỀN	CD13CA	<i>Huyen</i>	1	2		7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13132026	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DH13SP	<i>Thuy</i>	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12363231	TRẦN THỊ KIM HUYỀN	CD12CA	<i>Kim</i>	1	2		6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13363115	HỒ XUÂN HƯƠNG	CD13CA	<i>Huong</i>						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13363120	NGUYỄN THỊ TUYẾT HƯƠNG	CD13CA	<i>Huong</i>	1	2		6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

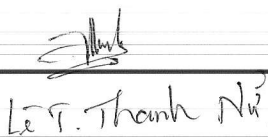
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

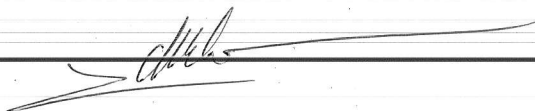
Cán bộ chấm thi 2



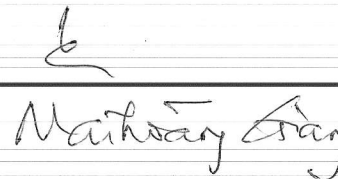
Nguyễn Văn Thanh Trung



Lê T. Thanh Nữ



TS. Trần Đình Lý



Markoang Trang